

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 15 có các nội dung đáng chú ý sau:

- *Quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại.*
- *Quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, ưu tiên cho đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia và đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện.*
- *Bổ sung một số quy định về phát triển và quản lý nhà ở xã hội.*
- *Văn bản dự thảo: Dự thảo Nghị định quy định về vị trí việc làm viên chức.*
- *Giải đáp pháp luật: Xác thực thông tin thuê bao di động mặt đất.*

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI

Nghị định [số 129/2026/NĐ-CP](#), ngày 06/4/2026 quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động đối ngoại (gồm các hoạt động thu, chi ngân sách nhà nước trong lĩnh vực đối ngoại; quy trình lập dự toán, chấp hành, quyết toán và công khai ngân sách đối với một số hoạt động đối ngoại theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước). Các hoạt động đối ngoại của lãnh đạo cấp cao Đảng, Nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định này.

Các khoản thu trong hoạt động đối ngoại bao gồm: Phí thuộc lĩnh vực ngoại giao; lệ phí liên quan theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí; Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

Chi ngân sách nhà nước trong hoạt động đối ngoại bao gồm: Chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi viện trợ và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật. Các khoản chi hoạt động đối ngoại rất đa dạng, bao gồm hoạt động ngoại giao, đàm phán quốc tế, bảo hộ công dân, xúc tiến thương mại - đầu tư, thông tin đối ngoại, đào tạo cán bộ, cũng như đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công tác đối ngoại trong và ngoài nước.

Nghị định phân định rõ nhiệm vụ chi giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương. Ngân sách trung ương đảm bảo các hoạt động

đối ngoại cấp quốc gia như ngoại giao cấp cao, hoạt động của cơ quan đại diện ở nước ngoài, bảo hộ công dân, hội nhập quốc tế... Ngân sách địa phương tập trung vào các hoạt động hợp tác, giao lưu quốc tế, quản lý hoạt động của tổ chức nước ngoài tại địa phương, xúc tiến kinh tế đối ngoại và hỗ trợ người Việt Nam ở nước ngoài trong phạm vi chức năng của địa phương.

Về quy trình quản lý ngân sách, nghị định quy định nguyên tắc lập dự toán, phân bổ, giao dự toán, tổ chức thu - chi, thanh toán và quyết toán ngân sách đối với các cơ quan, đặc biệt là cơ quan Việt Nam ở nước ngoài. Các cơ quan này phải lập dự toán chi tiết, thực hiện quản lý tài chính minh bạch, sử dụng đúng mục đích và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các khoản chi. Ngoài ra, nghị định cũng quy định cơ chế xử lý chênh lệch tỷ giá, sử dụng quỹ tạm giữ ngân sách và việc ứng trước kinh phí trong trường hợp cần thiết.

Nghị định có hiệu lực từ ngày 06/04/2026.

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

[Nghị định 135/2026/NĐ-CP](#), ngày 07/4/2026 quy định cơ chế, chính sách ưu đãi, ưu tiên cho đơn vị điều độ hệ thống điện quốc gia và đơn vị điều hành giao dịch thị trường điện. Phạm vi điều chỉnh tập trung vào hai nhóm chính: Bảo đảm cơ sở hạ tầng và các hệ thống thiết

yếu phục vụ vận hành hệ thống điện và thị trường điện; Thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các hoạt động này. Đối tượng áp dụng bao gồm các đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện cùng các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Nghị định xác định rõ vai trò quan trọng của đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện (hiện nay là NSMO), đồng thời đưa ra các nguyên tắc thực hiện chính sách như: Ưu tiên hiện đại hóa hạ tầng, ứng dụng công nghệ số, bảo đảm điều kiện làm việc và quyền lợi cho người lao động. Người lao động trực tiếp (như điều độ viên, kỹ sư hệ thống điện, kỹ sư SCADA/EMS...) được hưởng các chế độ thu nhập tăng thêm, phúc lợi và bảo hiểm hưu trí bổ sung.

Về cơ sở hạ tầng, gồm các hạng mục thiết yếu như: trung tâm điều khiển, hạ tầng kỹ thuật điều độ, hệ thống công nghệ thông tin và an ninh mạng, cơ sở đào tạo và nghiên cứu. Nhà nước cho phép áp dụng nhiều cơ chế ưu đãi đầu tư như: tiếp cận vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn thương mại; được thuê đất không qua đấu giá; được Chính phủ xem xét bảo lãnh vay vốn. Đồng thời, đơn vị vận hành được đảm bảo mức vốn điều lệ tối thiểu và có cơ chế linh hoạt trong huy động, sử dụng vốn phục vụ các dự án trọng điểm.

Đối với chính sách nhân lực, Nghị định cho phép đơn vị được thuê chuyên gia trong và ngoài nước với mức thù lao cạnh tranh; chi trả thu nhập tăng thêm cho người lao động; áp dụng bảo hiểm hưu trí bổ

sung. Ngoài ra, người lao động còn được xem xét miễn, giảm trách nhiệm trong một số trường hợp rủi ro khi đã thực hiện đúng quy trình, nhằm khuyến khích tính chủ động, sáng tạo và đảm bảo vận hành hệ thống điện an toàn, liên tục.

Nghị định quy định trách nhiệm tổ chức thực hiện của Bộ Công Thương, các địa phương và đơn vị vận hành hệ thống điện. Nghị định có hiệu lực từ ngày 25/5/2026.

BỔ SUNG MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ NHÀ Ở XÃ HỘI

[Nghị định số 136/2026/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị định 100/2024/NĐ-CP về phát triển và quản lý nhà ở xã hội. Nội dung trọng tâm của nghị định tập trung điều chỉnh các điều kiện, tiêu chí và cơ chế thực hiện nhằm phù hợp hơn với thực tiễn và chính sách hiện hành.

Một trong những nội dung quan trọng là sửa đổi quy định về điều kiện thu nhập để được hưởng chính sách nhà ở xã hội. Cụ thể, đối với người độc thân, mức thu nhập bình quân hàng tháng không vượt quá 25 triệu đồng; trường hợp nuôi con dưới tuổi thành niên thì không quá 35 triệu đồng. Đối với người đã kết hôn, tổng thu nhập của hai vợ chồng không vượt quá 50 triệu đồng/tháng. Thời gian xác định thu nhập được tính trong 12 tháng liền kề. Đồng thời, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được phép điều chỉnh mức thu nhập này theo điều kiện thực tế của địa phương, nhưng phải đảm bảo không vượt quá mức chênh lệch thu nhập

bình quân giữa địa phương và cả nước.

Nghị định cũng sửa đổi quy định về điều kiện thu nhập đối với một số nhóm đối tượng đặc thù (như lực lượng vũ trang). Theo đó, mức thu nhập được xác định dựa trên thu nhập của sĩ quan cấp bậc Đại tá, làm căn cứ để xét điều kiện. Trường hợp đã kết hôn, tổng thu nhập của hai vợ chồng có thể được tính theo các mức khác nhau tùy thuộc việc cả hai có cùng thuộc đối tượng chính sách hay không.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 07/4/2026.

ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI, CƠ SỞ KIỂM ĐỊNH KHÍ THẢI

Ngày 30/3/2026, Chính phủ ban hành [Nghị định 89/2026/NĐ-CP](#) quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm; niên hạn sử dụng của xe cơ giới.

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới; tổ chức, hoạt động của cơ sở đăng kiểm và niên hạn sử dụng của xe cơ giới theo quy định tại Điều 40, khoản 1, Điều 43 của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 118/2025/QH15.

Theo Nghị định, cơ sở kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới phải đáp ứng các quy định tại Nghị định này, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở đăng kiểm xe cơ giới, cơ sở kiểm định khí thải xe mô tô,

xe gắn máy (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia) và được tổ chức đánh giá sự phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia. Nếu chưa có tổ chức đánh giá sự phù hợp đánh giá cơ sở đăng kiểm hoặc có nhưng chưa đáp ứng được nhu cầu đánh giá của cơ sở đăng kiểm thì phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức kiểm tra xác nhận cơ sở đăng kiểm phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Bên cạnh đó, cơ sở đăng kiểm phải có giấy tờ, tài liệu theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật về đất đai; kết nối giao thông và đầu nối đường bộ theo quy định; bảo vệ môi trường, an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy và chữa cháy và pháp luật khác có liên quan khi xây dựng, đưa cơ sở đăng kiểm vào hoạt động.

Nghị định cũng quy định về điều kiện diện tích đối với cơ sở đăng kiểm xe cơ giới. Theo đó, cơ sở có 1 dây chuyền kiểm định loại I phải có diện tích tối thiểu 1.250 m²; loại II là 1.500 m²; dây chuyền tổng hợp (loại I và II) là 1.500 m². Trường hợp có 2 dây chuyền kiểm định, diện tích tối thiểu là 2.500 m². Với cơ sở có từ 3 dây chuyền trở lên, diện tích tăng thêm 625 m² cho mỗi dây chuyền kể từ dây chuyền thứ ba. Quy định này không áp dụng đối với cơ sở đăng kiểm bố trí chung với bến xe hoặc trạm dừng nghỉ, nhưng xưởng kiểm định vẫn phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Về nhân lực, mỗi cơ sở đăng kiểm phải có tối thiểu 02 đăng kiểm viên thực hiện công việc chuyên môn, ít nhất 01 lãnh đạo cơ sở là

đăng kiểm viên và 01 lãnh đạo bộ phận kiểm định là đăng kiểm viên có kinh nghiệm thực hiện kiểm định đủ 60 tháng.

Cơ sở kiểm định khí thải cũng phải đáp ứng điều kiện về diện tích và nhân lực. Cụ thể, khu vực kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy có diện tích tối thiểu là 10 m² tương ứng với 01 thiết bị đo khí thải.

Đối với khu vực kiểm định có từ 02 thiết bị đo khí thải trở lên thì diện tích cho mỗi thiết bị đo tăng thêm tương ứng là 05 m². Nếu diện tích của khu vực kiểm định được sử dụng chung với hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa xe thì không được gây cản trở cho việc di chuyển của phương tiện và thao tác của đăng kiểm viên. Về nhân lực, phải có ít nhất 01 đăng kiểm viên được cấp chứng chỉ chuyên môn thực hiện kiểm định khí thải.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2026.

TRÁCH NHIỆM TÁI CHẾ SẢN PHẨM, BAO BÌ VÀ TRÁCH NHIỆM XỬ LÝ CHẤT THẢI CỦA NHÀ SẢN XUẤT, NHẬP KHẨU

Ngày 01/4/2026, Chính phủ ban hành [Nghị định số 110/2026/NĐ-CP](#) quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì và trách nhiệm xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu.

Nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này để đưa ra thị trường Việt Nam phải thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì đó theo tỷ lệ, quy cách

tái chế bắt buộc. Bao bì là bao bì thương phẩm (gồm cả loại bao bì trực tiếp và bao bì ngoài) của sản phẩm, hàng hóa sau: Thực phẩm theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm (trừ kẹo cao su); mỹ phẩm theo quy định của Chính phủ về điều kiện sản xuất mỹ phẩm; thuốc theo quy định của pháp luật về dược; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y theo quy định của pháp luật về phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y; xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh dùng trong nông nghiệp, y tế và hoạt động sinh hoạt; xi măng.

Tỷ lệ tái chế bắt buộc là tỷ lệ khối lượng sản phẩm, bao bì tối thiểu phải được tái chế theo quy cách tái chế bắt buộc trong năm thực hiện trách nhiệm trên tổng khối lượng sản phẩm, bao bì sản xuất, nhập khẩu được đưa ra thị trường trong năm có trách nhiệm. Tỷ lệ này được điều chỉnh tăng theo chu kỳ 03 năm một lần; đảm bảo mỗi lần điều chỉnh cộng thêm không quá 10%; lần thay đổi đầu tiên vào năm 2029. Quy cách tái chế bắt buộc là các giải pháp được lựa chọn để tái chế cho từng nhóm sản phẩm, bao bì được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp thu gom (có thể kèm theo sơ chế) để xuất khẩu cho đơn vị tái chế, tân trang ở nước ngoài thì thực hiện thủ tục thông báo theo Công ước Basel quy định tại khoản 5 Điều 83 Luật Bảo vệ môi trường. Nhà sản xuất, nhập khẩu phương tiện giao thông đường bộ có trách nhiệm tái chế đối với phương tiện giao thông đường bộ do mình sản xuất, nhập khẩu

được đưa ra thị trường từ ngày 01/01/2027.

Nghị định cũng quy định cụ thể các đối tượng không phải thực hiện trách nhiệm tái chế như: nhà sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm, bao bì để xuất khẩu, tạm nhập, tái xuất hoặc sản xuất, nhập khẩu cho mục đích nghiên cứu, học tập, thử nghiệm; nhà sản xuất, nhập khẩu có tổng doanh thu từ các sản phẩm quy định ở trên dưới 30 tỷ đồng/năm; nhà sản xuất đã đưa ra thị trường bao bì nhưng bao bì đó được chính nhà sản xuất đó thu hồi, đóng gói để tiếp tục đưa ra thị trường với tỷ lệ thu hồi, đóng gói bằng hoặc cao hơn tỷ lệ tái chế bắt buộc.

ĐỀ ÁN NÂNG CAO NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG CỦA LỰC LƯỢNG BẢO VỆ AN NINH MẠNG QUỐC GIA

Thủ tướng Chính phủ vừa ký ban hành [Quyết định số 515/QĐ-TTg](#) ngày 30/3/2026, phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực hoạt động của lực lượng bảo vệ an ninh mạng quốc gia”.

Mục tiêu của Đề án là nâng cao năng lực tổng thể, xây dựng lực lượng bảo vệ an ninh mạng tinh nhuệ, hiện đại, nhằm chủ động phòng ngừa, sẵn sàng ứng phó hiệu quả với mọi nguy cơ, thách thức trên không gian mạng, bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân trên không gian mạng.

Một số mục tiêu cụ thể đáng chú ý được đưa ra tại đề án như: Đến năm 2030, Việt Nam nằm trong

nhóm 15 quốc gia dẫn đầu thế giới theo Chỉ số an ninh mạng toàn cầu; hình thành và phát triển Trung tâm Đào tạo khu vực về phòng, chống tội phạm mạng và an ninh mạng; có ít nhất 10.000 chuyên gia an ninh mạng chuyên sâu, trong đó 20% đạt trình độ quốc tế; 90% người sử dụng Internet có cơ hội tiếp cận hoạt động nâng cao nhận thức, kỹ năng và công cụ bảo đảm an ninh mạng; phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng do Việt Nam làm chủ công nghệ; nhà nước lựa chọn tối thiểu 02 tổ chức, doanh nghiệp làm chủ công nghệ cho mỗi loại sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng trọng điểm, nền tảng để tập trung nguồn lực thúc đẩy; 70% các ban, bộ, ngành, địa phương và các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia sử dụng sản phẩm công nghệ chiến lược "Make in Vietnam"; 100% các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng phải được kiểm định, đánh giá trước khi đưa vào sử dụng. Đến 2045, Việt Nam thuộc nhóm quốc gia dẫn đầu khu vực châu Á - Thái Bình Dương về an ninh mạng, có năng lực mạnh trong phòng thủ, tấn công trấn áp tội phạm mạng và các thế lực thù địch...

Đề án đã đưa ra một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm cần thực hiện: Hoàn thiện thể chế, xây dựng và triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù; tổ chức lực lượng an ninh mạng; đào tạo, phát triển nguồn nhân lực an ninh mạng chất lượng cao; giám sát, chia sẻ thông tin và đánh giá năng lực an ninh quốc gia; nghiên cứu phát triển, nâng cao năng lực tự chủ công nghệ, làm chủ công nghệ lõi trong lĩnh vực an ninh

mạng; nâng cao uy tín quốc gia và tăng cường hợp tác quốc tế.

HUY ĐỘNG NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI GIỚI THIỆU, TIÊU THỤ VÀ PHÁT TRIỂN CÁC KÊNH PHÂN PHỐI HÀNG VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

Thủ tướng Chính phủ vừa ban hành [Chỉ thị số 11/CT-TTg](#) ngày 03/4/2026 về việc đẩy mạnh huy động người Việt Nam ở nước ngoài tham gia giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm và phát triển các kênh phân phối hàng hóa Việt Nam ở nước ngoài giai đoạn 2026-2030.

Chỉ thị xác định cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài là lực lượng tại chỗ có vai trò chiến lược trong việc đưa hàng hóa Việt Nam tiếp cận sâu rộng các hệ thống phân phối, siêu thị và trung tâm thương mại lớn, góp phần giữ vững các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới; ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ; tận dụng hiệu quả các Hiệp định thương mại tự do.

Mục tiêu đến năm 2030 là huy động người Việt Nam ở nước ngoài tham gia vào hoạt động giới thiệu, tiêu thụ và phân phối hàng Việt tại tất cả các quốc gia, vùng lãnh thổ có cộng đồng người Việt sinh sống; thu hút sự tham gia của các hội doanh nhân người Việt ở nước ngoài, từng bước hình thành mạng lưới phân phối hàng Việt do người Việt giữ vai trò chủ đạo.

Chỉ thị nhấn mạnh việc tăng tỷ trọng hàng Việt trong các hệ thống phân phối của người Việt ở nước ngoài, thúc đẩy mạnh mẽ thương mại điện tử, xây dựng cơ sở dữ liệu doanh nghiệp gắn với chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá hàng Việt bằng các phương thức hiện đại, đa dạng. Việc huy động cộng đồng người Việt ở nước ngoài được gắn chặt với nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa, tăng cường kiểm soát chất lượng, chống hàng giả, gian lận thương mại, đáp ứng các tiêu chuẩn xanh, truy xuất nguồn gốc và bảo vệ thương hiệu quốc gia. Chỉ thị cũng khuyến khích tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại quy mô lớn, uy tín; phát triển các chuỗi sự kiện kết nối đầu tư, thương mại có sự tham gia của doanh nhân kiều bào. Người Việt ở nước ngoài được khuyến khích cung cấp thông tin về thị trường, thị hiếu tiêu dùng, chính sách nhập khẩu và các biện pháp bảo hộ thương mại của nước sở tại, hỗ trợ bảo vệ quyền lợi cho doanh nghiệp Việt Nam trong các tranh chấp thương mại quốc tế.

Bộ Ngoại giao là cơ quan đầu mối theo dõi, điều phối, đôn đốc và tổng hợp tình hình triển khai, đồng thời phối hợp với các bộ, ngành thực hiện các nhiệm vụ của Chỉ thị.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

QUY TRÌNH CHUYỂN THỂ TỪ SÁCH GIÁO KHOA BẢN IN SANG BẢN ĐIỆN TỬ

[Thông tư số 22/2026/TT-BGDĐT](#) của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tiêu chuẩn, quy trình chuyển thể, chỉnh sửa, cập nhật sách giáo khoa bản in sang sách giáo khoa điện tử, đồng thời quy định việc tổ chức thẩm định và phê duyệt loại sách này.

Sách giáo khoa điện tử được hiểu là phiên bản số của sách giáo khoa bản in, có tích hợp yếu tố đa phương tiện và tính năng tương tác, được Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định và cho phép sử dụng.

Thông tư nhấn mạnh các nguyên tắc trong xây dựng và sử dụng sách giáo khoa điện tử, trong đó yêu cầu nội dung phải đảm bảo tính khoa học, chính xác, phù hợp chương trình giáo dục phổ thông đã được phê duyệt. Việc chuyển thể phải tuân thủ pháp luật về bản quyền, bảo mật dữ liệu và phù hợp với định hướng chuyển đổi số quốc gia. Đồng thời, sách giáo khoa điện tử không thay thế sách giáo khoa bản in và không mang tính bắt buộc đối với cơ sở giáo dục, giáo viên và học sinh.

Về tiêu chuẩn, sách giáo khoa điện tử phải có giao diện phù hợp với lứa tuổi học sinh, trình bày rõ ràng, dễ sử dụng và hỗ trợ học tập hiệu quả thông qua hình ảnh, âm thanh, video. Về kỹ thuật, sách cần đáp ứng các tiêu chuẩn hiện hành, có các chức năng như tìm kiếm, ghi chú, tương tác học tập, hỗ trợ sử dụng ngoại tuyến và phù hợp với nhiều loại thiết bị. Hệ thống vận

hành phải đảm bảo an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân và hoạt động ổn định trên các nền tảng khác nhau.

Quy trình chuyển thể sách giáo khoa điện tử được thực hiện theo các bước: xây dựng thử nghiệm một phần nội dung, tổ chức dạy thực nghiệm, lấy ý kiến góp ý và hoàn thiện trước khi triển khai toàn bộ. Việc thực nghiệm phải đánh giá cả về kỹ thuật, trải nghiệm người dùng và mức độ an toàn thông tin. Khi có chỉnh sửa, cập nhật từ sách giáo khoa bản in, sách điện tử cũng phải được điều chỉnh tương ứng theo quy trình quy định.

Hội đồng quốc gia thẩm định sách giáo khoa điện tử, gồm các chuyên gia giáo dục và công nghệ, hoạt động theo nguyên tắc khách quan, dân chủ. Hội đồng có nhiệm vụ đánh giá sách theo các tiêu chí và xếp loại “Đạt”, “Đạt nhưng cần sửa chữa” hoặc “Không đạt”. Kết quả thẩm định là cơ sở để Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định phê duyệt và cho phép sử dụng.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 22/5/2026.

QUY ĐỊNH VỀ BỔ NHIỆM CHỨC DANH VÀ XẾP LƯƠNG ĐỐI VỚI GIÁO VIÊN TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN

[Thông tư số 23/2026/TT-BGDĐT](#) của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về mã số, chuẩn nghề nghiệp, bổ nhiệm chức danh và xếp lương đối với giáo viên tại các cơ sở giáo dục thường xuyên. Phạm vi áp dụng bao gồm giáo viên giảng dạy chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở và trung học phổ

thông, kể cả giáo viên kiêm nhiệm các chức vụ quản lý như tổ trưởng, trưởng phòng, giám đốc hoặc phó giám đốc.

Thông tư xác định 3 hạng chức danh giáo viên giáo dục thường xuyên gồm: Hạng III (mã số V.07.05.18), hạng II (V.07.05.17) và hạng I (V.07.05.16). Mỗi hạng có yêu cầu và nhiệm vụ khác nhau, trong đó hạng III thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục cơ bản; hạng II bổ sung các nhiệm vụ chuyên môn nâng cao như tổ chức chuyên đề, nghiên cứu khoa học; còn hạng I đảm nhận vai trò chủ trì chuyên môn, xây dựng chiến lược và phát triển chương trình giáo dục.

Về chuẩn nghề nghiệp, giáo viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn về đạo đức, trình độ đào tạo và năng lực chuyên môn. Tất cả các hạng đều yêu cầu phẩm chất đạo đức tốt, tuân thủ pháp luật và quy định ngành. Về trình độ, hạng III và II yêu cầu tối thiểu bằng cử nhân, còn hạng I yêu cầu trình độ thạc sĩ trở lên. Đồng thời, giáo viên cần có chứng chỉ bồi dưỡng chuẩn nghề nghiệp và năng lực chuyên môn phù hợp với từng hạng, từ mức cơ bản đến chuyên sâu, có khả năng đổi mới phương pháp giảng dạy và ứng dụng công nghệ.

Thông tư cũng quy định nguyên tắc bổ nhiệm và xếp lương theo hạng

chức danh. Việc bổ nhiệm căn cứ vào tiêu chuẩn về đạo đức, trình độ đào tạo và hệ số lương hiện hưởng. Mức lương được áp dụng theo bảng lương viên chức hiện hành: hạng III thuộc nhóm A1, hạng II thuộc nhóm A2.2 và hạng I thuộc nhóm A2.1. Việc xếp lương thực hiện theo quy định chung của Nhà nước và có thể điều chỉnh khi có chính sách tiền lương mới.

Thông tư đưa ra các quy định chuyển tiếp nhằm đảm bảo quyền lợi cho giáo viên đang công tác. Những giáo viên chưa đủ điều kiện bổ nhiệm vẫn được giữ nguyên chức danh và lương cho đến khi đáp ứng tiêu chuẩn. Một số loại chứng chỉ cũ được công nhận tương đương, và giáo viên mới tuyển dụng phải hoàn thành chứng chỉ bồi dưỡng trong thời hạn quy định.

Ngoài ra, Thông tư còn quy định cụ thể việc công nhận trình độ đào tạo phù hợp với từng môn học, đặc biệt đối với các môn tích hợp như Khoa học tự nhiên, Lịch sử và Địa lý. Đồng thời cho phép linh hoạt trong phân công nhiệm vụ và đánh giá giáo viên tùy theo điều kiện thực tế của cơ sở giáo dục.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 09/4/2026.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH VỀ VỊ TRÍ VIỆC LÀM VIÊN CHỨC

Dự thảo Nghị định quy định về vị trí việc làm viên chức do Bộ Nội vụ soạn thảo gồm 5 chương và 18 Điều.

Nghị định này áp dụng đối với các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã.

Nghị định quy định về nguyên tắc, cấu trúc vị trí việc làm, trình tự, thủ tục xác định, thẩm quyền phê duyệt, quản lý vị trí việc làm viên chức trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Điểm đáng chú ý của Nghị định là đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm quyền tự chủ toàn diện của đơn vị sự nghiệp công lập gắn với trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quản lý, sử dụng, bố trí viên chức theo vị trí việc làm trên cơ sở danh mục vị trí việc làm và khung năng lực tương ứng với các bậc nghề nghiệp của vị trí việc làm ban hành kèm theo Nghị định này; bảo đảm liên thông, thống nhất trong công tác cán bộ.

Dự thảo Nghị định xác định nhiệm vụ chuyên môn của vị trí việc làm viên chức quản lý được xây dựng theo nhiệm vụ chuyên môn của vị trí việc làm viên chức chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng với lĩnh vực hoạt động sự nghiệp mà viên chức được giao phụ trách.

Viên chức được bố trí vào vị trí việc làm quản lý không làm thay đổi hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ của viên chức; viên chức quản lý có trách nhiệm duy trì, phát triển năng lực chuyên môn, nghiệp vụ trong thời gian giữ chức vụ quản lý.

Việc xếp lương đối với viên chức quản lý theo chức danh chuyên môn, nghiệp vụ đang giữ phải bảo đảm phù hợp với mức độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, khung năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của vị trí việc làm viên chức chuyên môn, nghiệp vụ tương ứng.

DỰ THẢO LUẬT DẦU KHÍ

Dự thảo Luật Dầu khí gồm 8 chương và 71 Điều.

Luật Dầu khí quy định về điều tra cơ bản về dầu khí, hoạt động dầu khí và phát triển chuỗi giá trị dầu khí, bao gồm dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao và năng lượng ngoài khơi trong phạm vi đất liền, hải đảo và vùng biển của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Luật này được áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan đến điều tra cơ bản về dầu khí, hoạt động dầu khí và phát triển chuỗi giá trị dầu khí, bao gồm dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao và năng lượng ngoài khơi.

Theo quy định của Luật Dầu khí, Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài đầu tư để tiến hành điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí tại Việt Nam. Nhà nước bảo đảm quyền sở hữu đối với vốn đầu tư, tài sản và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài tiến hành điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí tại Việt Nam.

Luật quy định 7 hành vi bị nghiêm cấm trong điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí bao gồm: thực

hiện điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép; lợi dụng điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí làm ảnh hưởng đến quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; gây ô nhiễm môi trường; lợi dụng điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí để khai thác tài nguyên, khoáng sản khác; cản trở các hoạt động hợp pháp trong điều

tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí; cố ý phá hoại tài sản, thiết bị, công trình dầu khí; hủy hoại mẫu vật, thông tin, dữ liệu thu được trong quá trình điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí; cung cấp trái pháp luật mẫu vật, thông tin, dữ liệu thu được từ điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí; tham nhũng, thất thoát, lãng phí trong thực hiện điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Việc xác thực thông tin thuê bao đối với số thuê bao di động được thực hiện bằng những hình thức nào?

Trả lời: [Thông tư 08/2026/TT-BKHHCN](#) ngày 31/3/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ Hướng dẫn việc xác thực thông tin thuê bao di động mặt đất. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2026.

Theo [khoản 1, Điều 4](#) Thông tư 08/2026/TT-BKHHCN quy định việc xác thực thông tin thuê bao đối với số thuê bao di động chỉ được thực hiện thông qua một trong các hình thức sau:

- Trực tuyến thông qua ứng dụng định danh quốc gia (sau đây gọi tắt là ứng dụng VNeID);

- Trực tuyến thông qua ứng dụng của chính doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất sở hữu theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP

- Trực tiếp tại điểm do chính doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất trực tiếp sở hữu, thiết lập theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

- Trực tiếp tại điểm có địa chỉ xác định do doanh nghiệp khác thiết lập, được doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông di động mặt đất ký hợp đồng ủy quyền để thực hiện việc đăng ký thông tin thuê bao theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

2. Hỏi: Doanh nghiệp viễn thông sử dụng dịch vụ xác thực điện tử để xác thực đối với những trường thông tin nào?

Trả lời: Theo [khoản 1, Điều 5](#) Thông tư 08/2026/TT-BKHHCN quy định: doanh nghiệp viễn thông có nghĩa vụ thực hiện xác thực thông tin thuê bao thông qua việc sử dụng dịch vụ xác thực điện tử để xác thực đối với 04 trường thông tin bao gồm: số định danh cá nhân; họ, chữ đệm

và tên; ngày, tháng, năm sinh; dữ liệu sinh trắc học ảnh khuôn mặt của cá nhân đăng ký sử dụng số thuê bao viễn thông hoặc của cá nhân thuộc tổ chức được giao sử dụng SIM thuê bao, bảo đảm trùng khớp với dữ liệu tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc Cơ sở dữ liệu căn cước. Các số thuê bao di động đã xác thực điện tử được coi là đã hoàn thành việc thực hiện quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

3. Hỏi: Trường hợp sử dụng thẻ căn cước công dân không gắn chip và không sử dụng được dịch vụ xác thực điện tử để đăng ký thông tin thuê bao, doanh nghiệp viễn thông thực hiện các yêu cầu nào?

Trả lời: Theo [khoản 3, Điều 5](#) Thông tư 08/2026/TT-BKHCN quy định doanh nghiệp viễn thông thực hiện các yêu cầu:

- Xác thực giữa thông tin trên giấy tờ tùy thân, ảnh chụp trực tiếp khuôn mặt của cá nhân đăng ký sử dụng số thuê bao viễn thông hoặc của cá nhân thuộc tổ chức được giao sử dụng SIM thuê bao với thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc Cơ sở dữ liệu căn cước, đảm bảo trùng khớp 04 trường thông tin bao gồm: số định danh cá nhân; họ, chữ đệm và tên; ngày, tháng, năm sinh; ảnh khuôn mặt;

- Áp dụng giải pháp cuộc gọi ghi hình (video call) theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 18 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP;

- Khi đăng ký, kích hoạt từ SIM thuê bao di động H2H thứ hai trở đi phải xác thực thông qua mã xác thực một lần (mã OTP) gửi đến SIM đăng ký, kích hoạt trước đó, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 163/2024/NĐ-CP.

4. Hỏi: Doanh nghiệp viễn thông chấm dứt cung cấp dịch vụ viễn thông khi nào?

Trả lời: Theo [khoản 3, Điều 8](#) Thông tư 08/2026/TT-BKHCN quy định với số thuê bao di động H2H, trong vòng 30 ngày kể từ ngày tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông chiều đi, thuê bao phải hoàn thành thực hiện lại xác thực sinh trắc học ảnh khuôn mặt, sau thời hạn này nếu thuê bao không thực hiện, doanh nghiệp viễn thông có nghĩa vụ tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông hai chiều đồng thời thông báo thuê bao sẽ bị thanh lý hợp đồng, chấm dứt cung cấp dịch vụ viễn thông nếu không thực hiện; thanh lý hợp đồng, chấm dứt cung cấp dịch vụ viễn thông sau 05 ngày kể từ ngày tạm dừng cung cấp dịch vụ viễn thông hai chiều nếu cá nhân, tổ chức không thực hiện./.